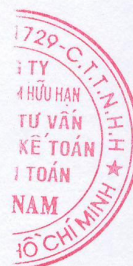


MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11-31



CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2014

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2014, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số 4106000216, ngày 14/04/1993 (thay đổi lần thứ 6) với vốn điều lệ là 123.052.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chưa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Giám đốc.

Trụ sở làm việc hiện nay : Lô 21-23 Đường số 8, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08.38 779 188

Fax: 08.38 779 182

Hoạt động chính của Công ty:

- Chế biến các mặt hàng thủy sản, nông sản, thực phẩm;
- Sản xuất nước đá, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu;
- Mua bán con giống thủy sản, đồ dùng cá nhân và gia đình, máy móc thiết bị, phụ tùng dùng trong ngành công nghiệp, thiết bị lạnh, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, nguyên liệu ngành dệt và sản phẩm dệt, plastic và các sản phẩm bằng plastic, cao su và các sản phẩm bằng cao su.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2014 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra

Ban Giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Lê Văn Hùng	Việt Nam	Giám đốc	20/08/2013	(tái bổ nhiệm)
- Bà Lê Thị Phương Lan	Việt Nam	Phó giám đốc	02/06/2011	-

Kế toán trưởng

- Bà Nguyễn Thị Lan Đài Việt Nam 02/06/2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho công ty.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Công bố trách nhiệm của ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2015



LÊ VĂN HÙNG



Số: 412/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 04 năm 2015, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại khoản 16 mục 6 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương với số tiền nợ gốc là 2.412.003.84 USD đã

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Thuyết minh số 8.2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.820.946.203	11.429.626.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	231.233.982	214.308.273
1. Tiền	111		231.233.982	214.308.273
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.409.482.336	10.052.195.800
1. Phải thu của khách hàng	131	6.2	2.430.997.124	3.326.849.832
2. Trả trước cho người bán	132	6.3	3.112.566.908	5.311.332.818
5. Các khoản phải thu khác	135	6.4	2.061.583.190	2.052.762.661
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.5	(1.195.664.886)	(638.749.511)
IV. Hàng tồn kho	140	6.6	842.743.999	809.005.399
1. Hàng tồn kho	141		869.994.317	809.005.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.250.318)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6.7	337.485.886	354.117.485
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		244.162.444	279.266.285
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.472.242	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		74.851.200	74.851.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		112.067.619.040	118.514.178.516
II. Tài sản cố định	220		85.520.360.721	90.883.114.836
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	85.520.360.721	90.883.114.836
- Nguyên giá	222		103.951.942.154	102.845.810.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.431.581.433)	(11.962.696.067)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		26.547.258.319	27.631.063.680
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.9	26.512.258.319	27.596.063.680
3. Tài sản dài hạn khác	268		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		119.888.565.243	129.943.805.473

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Thuyết minh số 8.2)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		112.965.735.192	114.245.012.944
I. Nợ ngắn hạn	310		61.367.991.862	63.347.037.828
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.10	10.120.000.000	8.570.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	6.11	3.965.865.318	1.470.127.282
3. Người mua trả tiền trước	313	6.12	240.195.684	73.549.174
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.13	21.649.572.770	21.709.063.208
5. Phải trả người lao động	315		721.394.518	724.121.840
6. Chi phí phải trả	316	6.14	5.982.130.209	10.722.754.881
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.15	18.688.833.363	20.077.421.443
II. Nợ dài hạn	330		51.597.743.330	50.897.975.116
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.16	51.577.743.330	50.877.975.116
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		6.922.830.051	15.698.792.529
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.17	6.922.830.051	15.698.792.529
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123.052.000.000	123.052.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		103.072.512.403	103.072.512.403
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(219.201.682.352)	(210.425.719.874)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		119.888.565.243	129.943.805.473

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

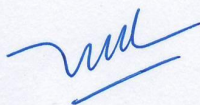
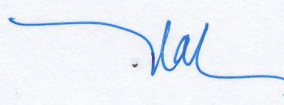
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	6.18	9.826.911.729	4.382.807.560
3. Hàng hoá nhận bán hộ , nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		626.098.655	626.098.655
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- Dollar Mỹ (USD)	6.1	392,99	332,03
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. HCM , ngày 02 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu**LẠC THỊ NGỌC DUNG****Kế toán trưởng****NGUYỄN THỊ LAN ĐÀI****Giám đốc****LÊ VĂN HÙNG**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

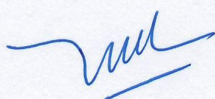
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Thuyết minh số 8.2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.19	34.845.014.918	29.418.675.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.845.014.918	29.418.675.605
4. Giá vốn hàng bán	11	6.20	35.545.975.247	30.814.616.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(700.960.329)	(1.395.941.318)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.21	37.796.828	28.870.719
7. Chi phí tài chính	22	6.22	2.086.614.516	1.830.609.420
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.378.124.416	1.203.339.583
8. Chi phí bán hàng	24	6.23	1.066.976.971	1.157.268.192
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.24	4.795.682.509	3.381.480.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.612.437.497)	(7.736.428.587)
11. Thu nhập khác	31	6.25	9.423.869	241.263.061
12. Chi phí khác	32	6.26	172.948.850	190.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		(163.524.981)	50.763.061
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.775.962.478)	(7.685.665.526)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.27	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.27	(8.775.962.478)	(7.685.665.526)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP. HCM , ngày 02 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



LẠC THỊ NGỌC DUNG



NGUYỄN THỊ LAN ĐÀI



LÊ VĂN HÙNG

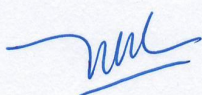
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.056.596.481	27.393.061.031
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.293.305.696)	(21.551.644.335)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.729.650.641)	(6.061.417.968)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(1.378.124.416)	(1.144.523.421)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		617.120.731	1.068.611.534
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.307.457.978)	(1.851.788.619)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.034.821.519)	(2.147.701.778)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(500.000.000)	(2.509.160.226)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	236.363.636
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.21	1.916.536	4.044.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(498.083.464)	(2.268.751.847)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.17	-	1.082.481.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(404.304.018)
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.184.400.000	11.368.100.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.634.400.000)	(7.468.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.550.000.000	4.578.176.982
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		17.095.017	161.723.357
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		214.308.273	52.555.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(169.308)	29.242
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	6.1	231.233.982	214.308.273

TP. HCM , ngày 02 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Kế toán trưởng




CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000216 ngày 14/04/1993 (thay đổi lần thứ 6) với vốn điều lệ là 123.052.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty chưa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp hiện hành.

Ngành, nghề kinh doanh:

- Chế biến các mặt hàng thủy sản, nông sản, thực phẩm;
- Sản xuất nước đá, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất;
- Xuất nhập khẩu;
- Mua bán con giống thủy sản, đồ dùng cá nhân và gia đình, máy móc thiết bị, phụ tùng dùng trong ngành công nghiệp, thiết bị lạnh, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, nguyên liệu ngành dệt và sản phẩm dệt, plastic và các sản phẩm bằng plastic, cao su và các sản phẩm bằng cao su.

Hình thức sở hữu vốn : Doanh nghiệp nhà nước.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân Tp Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5. Các chính sách kế toán áp dụng

5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10")- Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do BTC ban hành hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối năm được đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tỷ giá hối đoái được áp dụng để đánh giá số dư tại ngày 31/12/2014: 21.375 đ/USD.

5.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

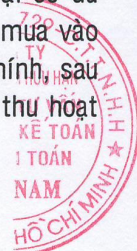
Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.



CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân Tp Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	11 năm
- Thiết bị quản lý	04-10 năm

5.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

5.6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

5.7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

501172
CÔNG TY
THẨM HƯ
VỤ TƯ
HÍNH KẾ
KIỂM TỐ
TIA NA
TP. HỒ

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân Tp Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5.8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước được phân bổ trong vòng 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí trả trước được liên quan đến nhiều năm tài chính, thời gian phân bổ trên 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

5.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

5.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

5.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

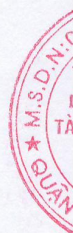
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Báo cáo tài chính

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	42.036.932	135.097.990
Tiền gửi ngân hàng	189.197.050	79.210.283
+ Tiền gửi VND	180.796.889	72.335.324
+ Tiền gửi ngoại tệ 392,99 USD #	8.400.161	6.874.959
Cộng	231.233.982	214.308.272

6.2. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng trong nước	2.430.997.124	3.326.849.832
Cộng	2.430.997.124	3.326.849.832

6.3. Trả trước cho người bán (*)	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty TNHH KT Cơ Điện M&E	75.070.457	661.994.667
Cty TNHH DCTVTCKTKT Phía Nam	160.000.000	160.000.000
Cty CP Mỹ Đình	80.000.000	80.000.000
Cty CP XNK Bảo Trân	2.698.297.000	2.698.297.000
Cty TNHH MTV TVTKXD Miền Nam	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH XD - TM Huỳnh Tấn	-	1.627.036.900
Các Công ty khác	88.199.451	73.004.253
Cộng	3.112.566.908	5.311.332.810

(*) Là khoản ứng trước cho các hợp đồng xây dựng nhà máy, mua thiết bị cho dự án Nhà máy chế biến thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương tại khu công nghiệp Tân Tạo.

6.4. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Cao Văn Dư	129.826.460	129.826.460
Hồ Vĩnh Thạnh	75.999.877	75.999.877
Phan Thông Minh	10.950.000	10.950.000
Hoàng Văn Toàn (VND)	225.796.029	225.796.029
Hoàng Văn Toàn (USD)	97.410.301	97.410.301
Trương Nhất Hổ	95.766.844	95.766.844
Ban Thanh toán nợ Chợ Lách Bến Tre	3.000.000	3.000.000
Công ty TNHH XD-TM Huỳnh Tấn (*)	1.303.331.745	1.303.331.745
Phải thu lại của CB CNV bảo hiểm xã hội đã nộp hộ	56.396.217	59.671.453
Khác	63.105.717	51.009.953
Cộng	2.061.583.190	2.052.762.667

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(*) Liên quan đến thoả thuận 3 bên về việc Công ty bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của Công ty TNHH XD-TM Huỳnh Tấn phải trả cho Công ty cổ phần Hồng Thịnh, Công ty đã thanh toán cho công ty cổ phần Hồng Thịnh số tiền trên. Do vậy, Công ty ghi nhận phải thu lại Công ty TNHH XD-TM Huỳnh Tấn một khoản tương ứng. Khoản phải thu này sẽ được Công ty thu hồi bằng cách trừ vào giá trị Công ty XD-TM Huỳnh Tấn còn được thanh toán cho các gói thầu đã thi công.

6.5. Dự phòng phải ngắn hạn thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cao Văn Dư	(129.826.460)	(129.826.460)
- Hồ Vĩnh Thạnh	(75.999.877)	(75.999.877)
- Phan Thông Minh	(10.950.000)	(10.950.000)
- Hoàng Văn Toàn (VND)	(225.796.029)	(225.796.029)
- Hoàng Văn Toàn (USD)	(97.410.301)	(97.410.301)
- Trương Nhất Hồ	(95.766.844)	(95.766.844)
- Ban Thanh toán nợ Chợ Lách Bến Tre	(3.000.000)	(3.000.000)
- Công ty XNK Phú Long	(556.915.375)	-
Cộng	(1.195.664.886)	(638.749.511)

6.6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	39.050.265	39.261.623
Thiết bị xây dựng cơ bản	-	-
Công cụ dụng cụ	133.288.476	122.273.317
Chi phí gia công thuỷ hải sản đông lạnh	697.655.576	621.970.459
Thành phẩm tôm đông lạnh	-	25.500.000
Cộng	869.994.317	809.005.399
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.250.318)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	842.743.999	809.005.399

6.7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	244.162.444	279.266.284
Thuế GTGT được khấu trừ	18.472.242	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	74.851.200	74.851.200
Cộng	337.485.886	354.117.484

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa,vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	54.654.293.506	31.854.113.232	16.267.756.120	69.648.045	102.845.810.903
Tăng trong năm	1.098.620.655	-	77.158.641	(69.648.045)	1.106.131.251
- Xây dựng mới	1.100.000.000	-	6.131.251	-	1.106.131.251
- Phân loại lại	(1.379.345)	-	71.027.390	(69.648.045)	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối năm	55.752.914.161	31.854.113.232	16.344.914.761	-	103.951.942.154
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm (*)	6.559.534.740	2.617.941.825	2.785.219.502	-	11.962.696.067
Tăng trong năm	2.369.453.821	3.185.411.323	914.020.220	-	6.468.885.364
- Trích khấu hao	2.369.453.821	3.185.411.323	914.020.220	-	6.468.885.364
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	8.928.988.561	5.803.353.148	3.699.239.724	-	18.431.581.433
Giá trị còn lại					
Số đầu năm (*)	48.094.758.766	29.236.171.407	13.482.536.618	69.648.045	90.883.114.836
Số cuối năm	46.823.925.600	26.050.760.084	12.645.675.037	-	85.520.360.721

(*) Số đầu kỳ của hao mòn lũy kế, giá trị còn lại của TSCĐ được Công ty trình bày lại theo Biên bản kiểm tra của Chi cục tài chính doanh nghiệp (Xem thêm thuyết minh 8.2).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm 31/12/2014 và 31/12/2013 lần lượt là 600.000.000 đồng và 350.000.000 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không cần dùng hoặc chờ thanh lý tại thời điểm 31/12/2014 lần lượt là 1.000.000.000 đồng và 375.000.000 đồng, tại thời điểm 31/12/2013 lần lượt là 1.065.000.000 đồng và 472.500.000 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại thời điểm 31/12/2014 và 31/12/2013 lần lượt là: 1.308.356.144 đồng và 4.217.772.522 đồng.

Tài sản dùng để thế chấp các khoản vay	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu nhà văn phòng công ty số 97/2/6 Kinh Dương Vương, P12, Quận 6, Tp. HCM	898.666.481	227.393.758	671.272.723
Khu nhà kho 751/22-24 Hồng Bàng, P6, Quận 6, Tp. HCM	275.339.831	143.176.737	132.163.094
Khu nhà xưởng tại C15/2A Huỳnh Bá Chánh, Ấp 3, xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM	911.403.149	406.482.822	504.920.327
Cộng	2.085.409.461	777.053.317	1.308.356.144

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Công ty kiểm toán không áp dụng các thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản để xác định nguyên giá TSCĐ tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản do không thuộc phạm vi kiểm toán Báo cáo tài chính hằng năm. Dự án Nhà máy chế biến thực phẩm tại khu công nghiệp Tân Tạo chưa được nghiệm thu, quyết toán. Do vậy, nguyên giá của tài sản cố định được Công ty xác định trên cơ sở quyết toán A-B (nếu có) hoặc trên cơ sở hợp đồng, khối lượng thanh toán,... Nguyên giá chính thức của TSCĐ sẽ được Công ty điều chỉnh khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

6.9. Chi phí trả trước dài hạn**Số cuối năm****Số đầu năm****(Thuyết minh số**

Giá trị Quyền sử dụng đất Bình Điền (i)

2.448.557.568

2.527.543.296

Tiền thuê đất lô 21-23 KCN Tân Tạo (i)

22.986.885.399

23.613.800.463

Công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất

1.076.815.352

1.454.719.921

Cộng**26.512.258.319****27.596.063.680**

(i) Chi tiết như sau:

Chi phí	Giá trị ban đầu	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ chi phí trong năm	Giá trị còn lại cuối năm
Tiền thuê đất lô 21-23 KCN Tân Tạo	28.211.177.545	23.613.800.463	-	626.915.052	22.986.885.399
Giá trị Quyền sử dụng đất Bình Điền	2.527.543.296	2.527.543.296	-	78.985.728	2.448.557.568
CỘNG	30.738.720.841	26.141.343.759	-	705.900.780	25.435.442.967

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6.10. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn (*)

Cộng**Số cuối năm**

10.120.000.000

10.120.000.000**Số đầu năm**

8.570.000.000

8.570.000.000**(*) Chi tiết các khoản vay như sau:**

Tên người cho vay	Hợp đồng/ Khế ước	Ngày Hợp đồng	Lãi suất	Số dư tại ngày 31/12/2014	Tài sản đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Mai Lan	KUVT 03/13	05/02/2013	1,1550%	100.000.000	Tín chấp
	KUVT 05/13	14/03/2013	1,1550%	400.000.000	
	KUVT 10/13	18/05/2013	1,1550%	200.000.000	
	KUVT 14/13	20/07/2013	1,1550%	150.000.000	
	Cộng			850.000.000	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	KUVT 09/13	27/04/2013	1,3125%	700.000.000	Tín chấp
	KUVT 12/13	22/06/2013	1,3125%	700.000.000	
	KUVT 17/13	23/11/2013	1,3125%	300.000.000	
	Cộng			1.700.000.000	
Bà Nguyễn Thị Sang	KUVT 16/13	15/11/2013	1,1550%	200.000.000	Tín chấp
	Cộng			200.000.000	
Bà Lê Thị Như Nguyễn	KUVT 07/12	29/11/2012	1,1550%	500.000.000	Tín chấp
	KUVT 11/13	05/06/2013	1,1550%	250.000.000	
	KUVT 15/13	16/09/2013	1,1550%	150.000.000	
	Cộng			900.000.000	
Bà Lê Thị Mỹ Lệ	KUVT09/11	14/06/2012	1,47%	470.000.000	Tín chấp
	KUVT06/12	20/11/2012	1,47%	500.000.000	
	KUVT01/14	29/05/2014	1,47%	500.000.000	
	Cộng			1.470.000.000	
Ông Lê Văn Hùng	KUVT 02/13	14/01/2013	1,1550%	400.000.000	Tín chấp
	KUVT 06/13	29/03/2013	1,1550%	350.000.000	
	KUVT 08/13	18/04/2013	1,1550%	300.000.000	
	Cộng			1.050.000.000	
Bà Bùi Thị Ngọc Bích	KUVT 05/12	24/10/2012	1,3125%	250.000.000	Tín chấp
	Cộng			250.000.000	
Bà Phan Thị Kim Loan	KUVT 08/12	14/12/2012	1,1550%	500.000.000	Tín chấp
	KUVT 09/12	20/12/2012	1,1550%	200.000.000	
	Cộng			700.000.000	
Bà Lê Thị Tuyết Trinh	KUVT02/14	16/12/2012	1,05%	3.000.000.000	Tín Chấp
	Cộng			3.000.000.000	
Tổng Cộng				10.120.000.000	

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.11. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH XD - TM Huỳnh Tấn	3.287.112.900	-
Cty TNHH SX-XD-TM-DV Nhật Minh	50.001.102	200.001.102
Công ty CP Xây dựng Đông Nam Á	247.932.397	405.932.397
Công ty CP Đầu tư CN Tân Tạo	57.427.258	114.854.516
Công ty TNHH MTV Thủy hải sản Hà Bình	-	263.352.000
CN Tổng Cty TMSG-TNHH MTV	43.282.954	408.651.954
Công ty khác	280.108.707	77.335.318
Cộng	3.965.865.318	1.470.127.282

6.12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng nước ngoài	53.884.534	53.884.534
Khách hàng trong nước	186.311.150	19.664.640
Cộng	240.195.684	73.549.174

6.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	36.735.600	77.783.493
Thuế giá trị gia tăng	-	18.442.543
Thuế xuất nhập khẩu (*)	21.612.837.170	21.612.837.170
Cộng	21.649.572.770	21.709.063.206

(*) Đây là khoản nợ thuế xuất nhập khẩu phát sinh từ trước năm 1995 và được Thủ tướng Chính phủ cho khoan nợ, miễn nộp phạt chậm nộp thuế theo công văn số 343/KTTH ngày 21/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

6.14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước các khoản phải trả nhà thầu xây dựng theo hợp đồng	5.935.054.677	10.722.754.881
Khác	47.075.532	-
Cộng	5.982.130.209	10.722.754.881

6.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3.834.675	25.490.260
Bảo hiểm xã hội	-	31.564.849
Bảo hiểm y tế	-	5.572.816
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.715.190
Công ty Phương Nghi (*)	18.570.000.000	18.570.000.000
Công ty Hồng Thịnh	-	1.303.331.745
Nhận tiền ký quỹ, đặt cọc của các nhà thầu	49.300.000	49.300.000
Khác	65.698.688	88.446.583

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

(*) Theo đơn đề nghị ngày 30/12/2009 của Công ty CP Thương Mại Xây Dựng Phương Nghi đã được Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương xác nhận, Công ty CP Thương Mại Xây Dựng Phương Nghi đã thanh toán cho Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương số tiền là 18.570.000.000 đồng theo hợp đồng số 22/K/94 để thuê mặt bằng tại 139 Hùng Vương, P.6, Q.6, TP.HCM. Theo xác nhận trên, số tiền này được Công ty CP Thương Mại Xây Dựng Phương Nghi chuyển thành vốn góp để mua cổ phiếu của Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương khi Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 05/09/2015, tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP HCM ban hành quyết định số 132/2014/QĐST-KDTH công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể là công nhận Công ty Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Hùng Vương có trách nhiệm trả cho công ty CP TM-XD Phương Nghi số tiền là 18.750.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày 28/08/2014.

6.16. Vay và nợ dài hạn**Nợ dài hạn (*)**

		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP SG Công Thương	2.412.993,84 usd #	51.577.743.330 2.412.993,84 usd #	50.877.975.110
Cộng		51.577.743.330	50.877.975.110

(*) Khoản nợ vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Nhà số 751/22-24 Hồng Bàng, Quận 6, Tp. HCM;
- Nhà số 97/2/6 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Tp. HCM;
- Nhà xưởng tại C15/2A Huỳnh Bá Chánh, Ấp 3, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM.

Khoản nợ này đã quá hạn thanh toán. Theo Biên bản làm việc ngày 10/12/2010 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương về kế hoạch trả nợ Ngân hàng, khi Công ty tiến hành cổ phần hóa, Công ty sẽ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương tham gia góp vốn với tỷ lệ 11%, phần nợ còn lại sẽ được Công ty dự kiến thanh toán cho Ngân hàng sau 02 năm kể từ khi Nhà máy chế biến của Công ty tại Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp HCM đi vào hoạt động. Các khoản nợ vay này chưa tính lãi vay từ nhiều năm, các bên sẽ xem xét sau.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu****Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân
Năm trước					
Số dư đầu năm	123.052.000.000	102.394.781.867	-	-	(202.740.054.348
-Tăng vốn	-	1.082.481.000	-	-	-
-Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(7.685.665.526
- Giảm khác (giảm giá trị đầu tư XDCB theo kiểm toán NN)	-	(404.750.464)	-	-	-
Số dư cuối năm trước	123.052.000.000	103.072.512.403	-	-	(210.425.719.874
Năm nay					
Số dư đầu năm nay	123.052.000.000	103.072.512.403	-	-	(210.425.719.874
- Tăng vốn	-	-	-	-	-
-Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(8.775.962.478
Số dư cuối năm nay	123.052.000.000	103.072.512.403	-	-	(219.201.682.352

- Chi tiết Vốn đầu tư của chủ sở hữu: toàn bộ vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn Nhà nước

- Chi tiết Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản vốn Nhà nước cấp để xây dựng Nhà máy chế biến thực phẩm xuất khẩu tại khu công nghiệp Tân Tạo

6.18. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

Hàng nhận gia công là thuỷ hải sản đông lạnh được ước tính theo giá thị trường

Số cuối năm

9.826.911.729

9.826.911.729**Số đầu năm**

4.382.807.560

4.382.807.560

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Năm nay****Năm trước**

Doanh thu bán hàng hoá

1.776.578.551

7.793.599.636

Doanh thu bán thành phẩm

11.485.656.000

7.413.428.000

Doanh thu cung cấp dịch vụ (gia công thuỷ hải sản, cho thuê kho lạnh, cho thuê mặt bằng)

21.582.780.367

14.211.647.969

Cộng**34.845.014.918****29.418.675.605**

Trong năm không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

6.20. Giá vốn hàng bán**Năm nay****Năm trước****(Thuyết minh số****8.2)**

Giá vốn hàng hóa đã bán

1.762.426.318

7.708.601.261

Giá vốn thành phẩm đã bán

11.767.823.162

7.394.669.300

Giá vốn cung cấp dịch vụ (gia công thuỷ hải sản, cho thuê kho lạnh, cho thuê mặt bằng)

22.015.725.767

15.711.346.362

Cộng**35.545.975.247****30.814.616.923****6.21. Doanh thu hoạt động tài chính****Năm nay****Năm trước**

Lãi tiền gửi

1.916.536

4.823.385

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

35.880.292

24.047.334

Cộng**37.796.828****28.870.719****6.22. Chi phí tài chính****Năm nay****Năm trước**

Chi phí lãi vay

1.378.124.416

1.203.339.583

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

8.725.265

7.130.421

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

699.764.835

620.139.416

Cộng**2.086.614.516****1.830.609.420****6.23. Chi phí bán hàng****Năm nay****Năm trước****(Thuyết minh số****8.2)**

Chi phí nhân viên

557.027.378

505.085.621

Chi phí vật liệu bao bì

-

3.660.000

Chi phí khấu hao TSCĐ

330.069.720

330.069.720

Chi phí dịch vụ mua ngoài

179.879.873

318.452.851

Cộng**1.066.976.971****1.157.268.192**

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**Năm nay****Năm trước**
(Thuyết minh số
8.2)

CP nhân viên quản lý	2.769.475.201	2.056.678.831
CP đồ dùng văn phòng	208.211.629	107.382.661
Tiền thuê đất	450.979.860	406.785.835
Chi phí khấu hao TSCĐ	235.202.064	232.929.813
Thuế, phí, lệ phí	164.935.458	127.802.726
CP dịch vụ mua ngoài	307.607.791	323.181.964
CP khác bằng tiền	659.270.506	126.718.546
Cộng	4.795.682.509	3.381.480.376

6.25. Thu nhập khác**Năm nay****Năm trước**

Thu hồi tiền BHLĐ của công nhân nghỉ việc	9.423.869	4.899.425
Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	236.363.636
Cộng	9.423.869	241.263.061

6.26. Chi phí khác**Năm nay****Năm trước**

Ấn phí	63.285.000	-
Nộp phạt theo quyết định của thanh tra của Sở LĐ-TBXH	-	56.000.000
Thanh lý công cụ, dụng cụ	34.663.850	59.500.000
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	75.000.000	75.000.000
Cộng	172.948.850	190.500.000

6.27. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ**Năm nay****Năm trước**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.775.962.478)	(7.685.665.526)
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế	75.000.000	109.890.322
+ Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-)	-	-
+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	75.000.000	109.890.322
Thu nhập chịu thuế	(8.700.962.478)	(7.575.775.204)
Thu nhập tính thuế TNDN	(8.700.962.478)	(7.575.775.204)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(8.775.962.478)	(7.685.665.526)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

7. Thông tin về công cụ tài chính**7.1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	231.233.982	214.308.273
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-
Phải thu khách hàng (đã trừ phần trích lập dự phòng)	1.874.081.749	3.326.849.833
Các khoản phải thu khác (đã trừ phần trích lập dự phòng)	1.422.833.679	1.414.013.150
Cộng	3.528.149.410	4.955.171.256
Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	3.965.865.318	1.470.127.283
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	61.697.743.330	59.447.975.116
Phải trả người lao động	721.394.518	724.121.840
Chi phí phải trả	5.982.130.209	10.722.754.881
Các khoản phải trả ngắn hạn, dài hạn khác	18.708.833.363	20.097.421.443
Cộng	91.075.966.738	92.462.400.563

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa trên Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

7.2. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp một phần máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo các khoản vay (thuyết minh 6.8; 6.16).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

7.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

7.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Do tình trạng pháp lý của Công ty (vẫn hoạt động khó khăn theo luật Doanh nghiệp Nhà nước đã hết hiệu lực, chuyển sang hoạt động theo Luật Công ty) nên việc vay vốn tại Ngân hàng gặp nhiều khó khăn. Hầu hết, các khoản vay mới của Công ty là vay cá nhân để đảm bảo hoạt động tối thiểu, chủ yếu là gia công, chưa có đủ nguồn vốn để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, rủi ro thanh khoản là đáng kể nếu nguồn vốn từ vay cá nhân không còn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	3.965.865.318	-	-	3.965.865.318
Vay và nợ	10.120.000.000	51.577.743.330	-	61.697.743.330
Phải trả cho người lao động	721.394.518	-	-	721.394.518
Chi phí phải trả	5.982.130.209	-	-	5.982.130.209
Các khoản phải trả khác	18.688.833.363	20.000.000	-	18.708.833.363
Cộng	39.478.223.408	51.597.743.330	-	91.075.966.738
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	1.470.127.282	-	-	1.470.127.282
Vay và nợ	8.570.000.000	50.877.975.116	-	59.447.975.116
Phải trả cho người lao động	724.121.840	-	-	724.121.840
Chi phí phải trả	10.722.754.881	-	-	10.722.754.881
Các khoản phải trả khác	20.077.421.443	20.000.000	-	20.097.421.443
Cộng	41.564.425.446	50.897.975.116	-	92.462.400.562

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Báo cáo tài chính

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

7.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Hiện nay, Công ty giao dịch chủ yếu bằng VND nên rủi ro này đối với Công ty là không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty có khoản nợ vay quá hạn thanh toán bằng ngoại tệ là 2.412.993,84 USD. Khi tỷ giá USD/VND biến động, Công ty sẽ gánh chịu khoản chênh lệch tỷ giá đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất. Tuy nhiên do vốn vay của Công ty chủ yếu là vay từ cá nhân, lãi suất nhìn chung cao hơn lãi suất cho vay của ngân hàng.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty cho rằng Công ty có thể kiểm soát được rủi ro này thông qua chính sách bán hàng, cung cấp dịch vụ thu tiền ngay, hạn chế thanh toán sau.

8. Những thông tin khác

8.1. Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	265.488.173	222.762.095
Cộng	265.488.173	222.762.095

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG**Báo cáo tài chính**

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ban Giám đốc và người có liên quan	- Vay vốn	3.500.000.000	3.465.000.000
	- Đã trả nợ gốc	200.000.000	1.165.000.000
	- Đã trả lãi vay	790.133.000	620.908.000

Tại ngày 31/12/2014, nợ vay Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Giám đốc và người có liên quan	- Nợ gốc vay phải trả	7.970.000.000	4.670.000.000
	- Lãi vay phải trả	-	26.914.667

8.2. Số liệu so sánh

- Số liệu so sánh của Báo cáo tài chính năm 2014 là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán và đã được điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

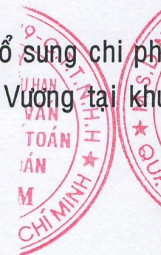
- Theo Biên bản kiểm tra của Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp TP. Hồ Chí Minh, Công ty phải ghi nhận bổ sung chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất của Nhà máy Chế biến thực phẩm xuất khẩu Hùng Vương tại khu công nghiệp Tân Tạo. Cụ thể như sau:

Ghi nhận bổ sung chi phí khấu hao TSCĐ:

+ Niên độ tài chính năm 2012:	5.057.860.581 đồng
+ Niên độ tài chính năm 2013:	5.245.519.264 đồng
Cộng	10.303.379.845 đồng

Ghi nhận bổ sung tiền thuê đất Khu công nghiệp Tân Tạo:

+ Niên độ tài chính năm 2012:	3.970.462.025 đồng
+ Niên độ tài chính năm 2013:	61.434.883 đồng
Cộng	4.031.896.908 đồng



CÔNG TY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU HÙNG VƯƠNG

Lô 21-23 Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Việc ghi nhận bổ sung các khoản chi phí nêu trên ảnh hưởng đến số đầu năm của các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đã trình bày trên BCTC năm 2013	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTC năm 2014
----------	-------	---	------------	----------------------------------

Bảng cân đối kế toán

- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.659.316.222)	(10.303.379.845)	(11.962.696.067)
- Chi phí trả trước dài hạn	261	31.627.960.588	(4.031.896.908)	27.596.063.680
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(196.090.443.121)	(14.335.276.753)	(210.425.719.874)

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

- Giá vốn hàng bán	11	25.984.228.526	4.830.388.397	30.814.616.923
- Chi phí bán hàng	23	874.668.192	282.600.000	1.157.268.192
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	3.187.514.626	193.965.750	3.381.480.376
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(2.378.711.379)	(5.306.954.147)	(7.685.665.526)
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	60	(2.378.711.379)	(5.306.954.147)	(7.685.665.526)

8.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014

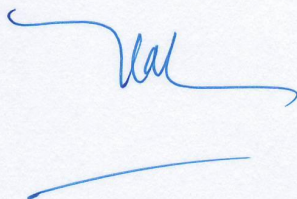
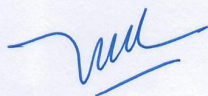
Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2014 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

TP. HCM , ngày 02 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**LẠC THỊ NGỌC DUNG****NGUYỄN THỊ LAN ĐÀI****LÊ VĂN HÙNG**